

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/KDTM-PT

Ngày 25/9/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Việt Toàn;

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Tiến Sỹ.

2. Ông Lưu Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLPT-KDTM ngày 13/6/2023, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm 03/2023/KDTM -ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; Địa chỉ: H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Điền Thanh T, sinh năm 1970. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch B thuộc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh G; Địa chỉ: T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thanh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Trương Thị P, sinh năm 1977. (Giấy uỷ quyền số 02625, quyền số 06/2003.TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Đ); Địa chỉ: Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1981.

* Người giám hộ giám hộ và là người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Duy C: Chị Phan Thị Thanh T, sinh năm 1991.

Đều trú tại địa chỉ: L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Anh C có mặt, chị T vắng mặt).

3.2- Văn phòng Công chứng Đặng Minh K (Văn phòng công chứng X) do ông Đặng Minh K là người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Đặng Minh K; Địa chỉ: P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người chứng kiến: anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1988; Địa chỉ: L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Bị đơn là chị Phan Thị Thanh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Duy C thông qua chị Phan Thị Thanh T vừa là người giám hộ giám hộ cũng là người đại diện theo pháp luật của anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2020/6169719/HĐTD ngày 19/02/2020, Ngân hàng TMCP Đ cho bà Phan Thị Thanh T vay tổng số tiền: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*). Mục đích: Kinh doanh mặt hàng nông sản cà phê theo Giấy chứng nhận ĐKKD số: 39A8006004 ngày cấp: 02/02/2016; Nơi cấp: Phòng tài chính kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân thành phố P. Lãi suất: 10,1%/năm (tại thời điểm vay); Ngày nhận nợ: 19/02/2020; Ngày trả nợ: 19/01/2021

Điều kiện đảm bảo nợ vay trên ông Nguyễn Duy C thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Làng B, Phường Y, TP P, Gia Lai có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 817341 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 30/10/2017. Số vào sổ cấp GCN: CS05353) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017. Thửa đất số: 2, tờ bản đồ số: 17. Địa chỉ thửa đất: Làng B, Phường Y, TP P, Gia Lai. Diện tích: 468,1 m² (bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tám phẩy một mét vuông).

Tính đến ngày 01/7/2022, Bà Phan Thị Thanh T còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền: 1.255.945.205 đồng (*Một tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ năm đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi là 255.945.205 đồng (nợ lãi trong hạn: 99.123.288 đồng, nợ lãi quá hạn là 156.821.918 đồng)

Ngân hàng TMCP Đ đã nhiều lần đôn đốc chị Phan Thị Thanh T trả nợ vay theo đúng thỏa thuận cho Ngân hàng nhưng không đạt kết quả.

Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku; Buộc chị Phan Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ tỉnh G số tiền: 1.421.435.617 đồng (*Một tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn, sáu trăm mười bảy đồng*) theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi giải quyết xong.

Trường hợp chị Phan Thị Thanh T không trả được số nợ trên thì yêu cầu giải quyết xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Duy C là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Làng B, Phường Y, TP P, Gia Lai có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 817341 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 30/10/2017. Sổ vào sổ cấp GCN: CS05353) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017 để thu hồi nợ.

[2]. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị P trình bày:

Chị Phan Thị Thanh T và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh G có ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2020/6169719/HĐTD ngày 19/02/2020, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày hôm nay là: 421.435.617 đồng là đúng. Do điều kiện kinh tế của chị T không có khả năng trả nợ gốc và lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn. Do Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017 của Ngân hàng với anh Nguyễn Duy C không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo hướng tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu.

[3]. Người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy C có chị Phan Thị Thanh T trình bày:

Chị Phan Thị Thanh T là vợ của anh C là người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật cho anh Nguyễn Duy C theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2022/QĐST-DS ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị T thừa nhận anh Nguyễn Duy C có ký hợp Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017. Nhưng do anh C cam điếc từ nhỏ, anh C không đi học, không biết chữ, khó khăn trong nhận thức, nên việc ký hợp đồng thế chấp anh C chỉ biết ký mà không hiểu nội dung. Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 10; khoản 7, 8 Điều 40; khoản 2 Điều 47 Luật Công chứng 2014 thì Công chứng viên không kiểm tra năng lực hành vi dân sự của anh Nguyễn Duy C nên đã không hướng dẫn cho người yêu cầu công chứng mời người làm chứng hoặc chỉ định người làm chứng trong việc giao kết hợp đồng thế chấp, dẫn đến hậu quả ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh C; Căn cứ vào khoản 1 Điều 125 Bộ luật dân sự 2015 thì giao dịch dân sự do người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì giao dịch đó vô hiệu. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận kháng cáo

sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tuyên bố Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017 là vô hiệu.

[4]. Văn phòng Đặng Minh K trình bày tại bản khai:

Ngày 22/11/2017 tại trụ sở Văn phòng công chứng X (nay là văn phòng công chứng Đặng Minh K) ông Nguyễn Duy C lập phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Duy C cho phòng giao dịch B – thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ nhằm đảm bảo cho khoản vay của bà Phan Thị Thanh T.

Nhận được phiếu yêu cầu công chứng và các tài liệu kèm theo, văn phòng kiểm tra và xác định ông C là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia giao dịch và có chị Phan Thị Thanh T là vợ cùng tham gia giao dịch, nên Văn phòng đã thực hiện việc công chứng hợp đồng thế chấp theo yêu cầu của ông C, văn bản công chứng số 2637, quyền 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2017.

Hồ sơ công chứng thể hiện, Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản đề nghị ngày 22/11/2017 là do ông C trực tiếp viết và ký, ghi rõ họ tên, nên phía bị đơn cho rằng tại thời điểm công chứng ông C là người có khó khăn trong nhận thức, không biết chữ nên không biết và không hiểu nội dung mình ký là không có căn cứ và không đúng sự thật khách quan. Văn phòng công chứng nhận thấy đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc công chứng hợp đồng thế chấp theo yêu cầu của ông Nguyễn Duy C.

Văn phòng công chứng Đặng Minh K có đơn xin vắng mặt toàn bộ các giai đoạn tố tụng của vụ án.

*** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 144, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 280; khoản 2 Điều 292; Điều 293; Điều 295; Điều 298; Điều 317; Điều 318; Điều 320; Điều 323; Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bị đơn chị Phan Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả hết gốc và lãi là: 1.421.435.617 (Một tỷ bốn trăm hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy) đồng; (Trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 04/4/2023 là 421.435.617 đồng).

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại toàn bộ tài sản

thể chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ 3 số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017 là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17; diện tích: 468,1m² (trong đất ở: 200m², đất trồng cây lâu năm: 268,1m²; Địa chỉ Làng B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 817341 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/10/2017 cho anh Nguyễn Duy C. Để thu hồi nợ trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/6169719/HĐTD ngày 19/02/2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu tiền chi phí giám định; tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản; tiền án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn kháng cáo, bị đơn là chị Phan Thị Thanh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Duy C kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM -ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

*** Diễn biến tại phiên tòa:**

- Bà Trương Thị P là người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Thanh T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đề nghị y án sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phan Thị Thanh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Duy C thông qua chị Phan Thị Thanh T vừa là người giám hộ giám hộ cũng là người đại diện theo pháp luật của anh C; Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Về án phí: Bị đơn chị Phan Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phan Thị Thanh T đã ủy quyền bằng văn bản số 2717, quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/7/2022 của Văn phòng công chứng Đ cho bà Trương Thị P. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Duy C theo Quyết định số 02/2022/QĐST-DS ngày 07/4/2022 của TAND thành phố Pleiku là “*người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*” do đó chị Phan Thị Thanh T (vợ anh C) là người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật của anh C tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 87 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 48, khoản 1 Điều 53 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về số tiền vay trong hợp đồng tín dụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ và bị đơn chị Phan Thị Thanh T có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2020/6169719/HĐTD ngày 19/02/2020 vay số tiền là: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*); Mục đích vay: Bổ sung vốn Kinh doanh mua bán hàng nông sản; Thời hạn vay là 11 tháng; Lãi suất thỏa thuận: 10,1%/năm áp dụng đối với số tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay là 10,1%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.... ngày nhận nợ ngày 19/02/2020. Các bên đương sự đều thừa nhận và không ai có tranh chấp.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Phan Thị Thanh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Duy C thấy rằng:

Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị Phan Thị Thanh T thừa nhận Chị và anh Nguyễn Duy C có ký hợp Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017. Nhưng cho rằng anh C câm điếc từ nhỏ, anh C không đi học, không biết chữ, khó khăn trong nhận thức, nên việc ký hợp đồng thế chấp anh C chỉ biết ký mà không hiểu nội dung. Văn phòng Công chứng Đặng Minh K (Trước đây VPCC X) mà cụ thể là Công chứng viên đã không làm đúng quy định tại khoản 4, 5 Điều 10; khoản 7, 8 Điều 40; khoản 2 Điều 47 Luật Công chứng 2014, như: Không kiểm tra năng lực hành vi dân sự của anh Nguyễn Duy C, không mời người làm chứng hoặc chỉ định người làm chứng trong việc giao kết hợp đồng thế chấp, dẫn đến hậu quả ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh C; Căn cứ vào khoản 1 Điều 125 Bộ luật dân sự 2015 thì giao dịch dân sự do người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì giao dịch đó vô hiệu. Vì vậy chị T và anh C (Do chị T là người giám hộ và đại diện theo pháp luật) đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017 là vô hiệu.

HĐXX thấy rằng: Chị Phan Thị Thanh T với anh Nguyễn Duy C chung sống với nhau từ năm 2014, có Giấy chứng nhận kết hôn số 186/2014; quyền số 01/2014

do UBND phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku ký chứng nhận ngày 24/12/2014. Theo biên bản xác minh của TAND tỉnh Gia Lai ngày 30/8/2023 và ngày 15/9/2023, thể hiện: *“Bản thân chị T với anh C kể từ khi kết hôn cho đến nay vẫn cùng chung sống với nhau và có 01 con chung ở tại căn nhà và đất đang thế chấp tại Ngân hàng là L, Phường Y, Tp. P, tỉnh Gia Lai”*. Mục đích của chị T vay tiền của Ngân hàng là để bổ sung vốn trong kinh doanh mua bán hàng nông sản, có lợi nhuận, phục vụ vì lợi ích chung của gia đình, trong đó có nhu cầu thiết yếu của anh C và con anh C với chị T. Trước khi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện chị Phan Thị Thanh T thì giữa chị T với Ngân hàng cũng đã nhiều lần ký kết Hợp đồng tín dụng với nhau từ năm 2017 cho đến năm 2020. Các lần ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền này chị T đều trả đầy đủ nợ gốc và lãi đúng theo cam kết với Ngân hàng.

Tại *“Điều 3. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp”* và *“Điều 4. Thời hạn thế chấp”* của Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017, giữa: Bên thế chấp anh Nguyễn Duy C, bên được bảo đảm chị Phan Thị Thanh T và bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh G – PGD KV B, thể hiện: Anh Nguyễn Duy C đã dùng tài sản riêng của mình để thế chấp, bảo lãnh cho chị Phan Thị Thanh T vay tiền tại Ngân hàng từ tháng 11/2017 đến ngày 30/11/2022. Hợp đồng thế chấp này ***có chữ ký và ghi đầy đủ rõ họ, tên của anh C, chị T và đại diện Ngân hàng*** được chứng thực tại Văn phòng công chứng X (nay là Văn phòng công chứng Đặng Minh K). Do đó, việc chị T với Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng số 01/2020/6169719/HĐTD ngày 19/02/2020 để cho chị T vay số tiền là: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*) là không trái sự thỏa thuận giữa anh C, chị T với Ngân hàng. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và thế chấp với Ngân hàng và nhận tiền lần đầu tiên vào ngày 23/11/2017 thì hàng tháng chị T cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền lãi đầy đủ cho Ngân hàng, trong thời gian chị T thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng cho đến khi Ngân hàng khởi kiện đến TAND thành phố Pleiku (*Từ ngày 23/11/2017 đến 15/6/2022 = 04 năm 06 tháng 22 ngày*) thì anh C và chị T cũng không hề có bất cứ khiếu nại, thắc mắc về việc anh C đã dùng tài sản riêng của mình thế chấp tại Ngân hàng. Chỉ từ tháng 06/2021 cho đến nay vì làm ăn khó khăn, nên chị T không có khả năng thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và bị Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án thì chị T, anh C cho rằng: Việc anh C thế chấp tài sản riêng của mình, để bảo lãnh cho chị T vay vốn tại ngân hàng là không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, việc chị T và anh Nguyễn Duy C (Do chị T là người giám hộ và đại diện theo pháp luật) kháng cáo đề yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017 vô hiệu là không có căn cứ để chấp nhận.

Mặt khác, theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có các nghĩa vụ trả nợ chung về tài sản do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong vụ án này chị T vay tiền Ngân hàng với mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán hàng nông sản, phục vụ cho mục đích chung và thiết yếu cho gia đình. Tuy nhiên, tại “Đơn khởi kiện” và quá trình

giải quyết vụ án trong các giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm thì Ngân hàng chỉ yêu cầu chị Phan Thị Thanh T trả nợ số tiền nợ gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết mà không yêu cầu anh C phải liên đới trả nợ chung với chị T. Vì vậy, HĐXX không xem xét đến nghĩa vụ trả nợ liên đới của anh Nguyễn Duy C trong vụ án này.

Trong giai đoạn phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Thanh T và chị T với anh Nguyễn Duy C không cung cấp được những tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Thanh T cũng là người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật của anh C.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn chị Phan Thị Thanh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đề sung vào công quỹ nhà nước.

Do Anh Nguyễn Duy C được xác định là “*Người khuyết tật*” theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, nên được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phan Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Duy C do chị Phan Thị Thanh T vừa là người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Duy C; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM -ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 144, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 280; khoản 2 Điều 292; Điều 293; Điều 295; Điều 298; Điều 317; Điều 318; Điều 320; Điều 323; Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Buộc bị đơn chị Phan Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả hết gốc và lãi là 1.421.435.617 (*Một tỷ bốn trăm hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm mười bảy*) đồng; (Trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 04/4/2023 là 421.435.617 đồng).

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ 3 số 01/2017/6169719/HĐBĐ ngày 22/11/2017 là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17; diện tích: 468,1m² (trong đất ở: 200m², đất trồng cây lâu năm: 268,1m²; Địa chỉ Làng B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 817341 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 30/10/2017 cho anh Nguyễn Duy C để thu hồi nợ trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/6169719/HĐTD ngày 19/02/2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn chị Phan Thị Thanh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 54.643.068 (Năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn không trăm sáu mươi tám) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 22.705.932 (Hai mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn chín trăm ba hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000157 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3.2- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Chị Phan Thị Thanh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000142 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thanh T đã nộp đủ tiền.

Anh C được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THA dân sự thành phố Pleiku;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

Hà Viết Toàn